



LUẬT PHÁ SẢN?

(CÓ HIỆU LỰC THI HÀNH TỪ NGÀY 01/01/2015)



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

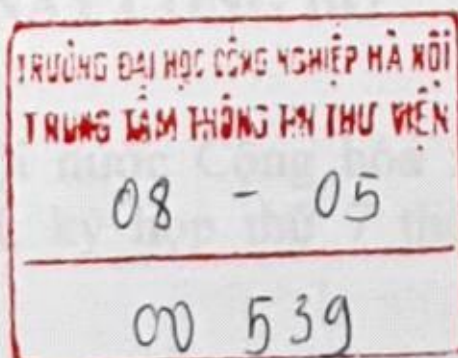
Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2014

LỆNH VỀ VIỆC CÔNG BỐ LUẬT

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

LUẬT PHÁ SẢN

(Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015)



TRƯỞNG TÂN SANG
NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

MỤC LỤC

Trang

LỆNH VỀ VIỆC CÔNG BỐ LUẬT SỐ 11/2014/L-CTN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2014

5

LUẬT

PHÁ SẢN SỐ 51/2014/QH13 NGÀY 19 THÁNG 06 NĂM 2014

6

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 6
- Điều 2. Đối tượng áp dụng 6
- Điều 3. Áp dụng Luật phá sản 6
- Điều 4. Giải thích từ ngữ 7
- Điều 5. Người có quyền, nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu
mở thủ tục phá sản 9
- Điều 6. Thông báo doanh nghiệp, hợp tác xã mất
khả năng thanh toán 10
- Điều 7. Trách nhiệm cung cấp tài liệu, chứng cứ của
cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan 10
- Điều 8. Thẩm quyền giải quyết phá sản của Tòa án
nhân dân 11
- Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán tiến
hành thủ tục phá sản 12

Chương II

ĐƠN VÀ THỦ LÝ ĐƠN YÊU CẦU MỞ THỦ TỤC PHÁ SẢN

- Điều 26.** Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của chủ nợ 23
- Điều 27.** Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của người lao động, đại diện công đoàn 24
- Điều 28.** Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán 25
- Điều 29.** Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông của công ty cổ phần, thành viên hợp tác xã hoặc hợp tác xã thành viên của liên hiệp hợp tác xã 26
- Điều 30.** Phương thức nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản 27
- Điều 31.** Phân công Thẩm phán giải quyết đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản 27
- Điều 32.** Xử lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản 27
- Điều 33.** Chuyển đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản cho Tòa án nhân dân có thẩm quyền và giải quyết đề nghị xem xét lại việc chuyển đơn 28
- Điều 34.** Thông báo sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản 29
- Điều 35.** Trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản 29
- Điều 36.** Đề nghị xem xét lại, kiến nghị việc trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản 30
- Điều 37.** Thương lượng giữa chủ nợ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản với doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán 31

Điều 38. Thủ tục nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản	32
Điều 39. Thủ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản	32
Điều 40. Thông báo việc thủ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản	33
Điều 41. Tạm đình chỉ giải quyết yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán thực hiện nghĩa vụ về tài sản	33

Chương III

MỞ THỦ TỤC PHÁ SẢN

Điều 42. Quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản	34
Điều 43. Thông báo quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản	36
Điều 44. Giải quyết đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản	36
Điều 45. Chỉ định Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	38
Điều 46. Thay đổi Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	39
Điều 47. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản	41
Điều 48. Hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã bị cấm sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản	41
Điều 49. Giám sát hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản	42
Điều 50. Ủy thác tư pháp trong việc giải quyết phá sản	43

Chương IV

NGHĨA VỤ VỀ TÀI SẢN

Điều 51. Xác định giá trị nghĩa vụ về tài sản	44
Điều 52. Xác định tiền lãi đối với khoản nợ	44
Điều 53. Xử lý khoản nợ có bảo đảm	45
Điều 54. Thứ tự phân chia tài sản	46
Điều 55. Nghĩa vụ về tài sản trong trường hợp nghĩa vụ liên đới hoặc bảo lãnh	47
Điều 56. Trả lại tài sản thuê hoặc mượn khi doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản	48
Điều 57. Trả lại tài sản nhận bảo đảm	48
Điều 58. Nhận lại hàng hóa đã bán	48

Chương V

CÁC BIỆN PHÁP BẢO TOÀN TÀI SẢN

Điều 59. Giao dịch bị coi là vô hiệu	49
Điều 60. Tuyên bố giao dịch vô hiệu	51
Điều 61. Tạm đình chỉ, đình chỉ thực hiện hợp đồng đang có hiệu lực	52
Điều 62. Thanh toán, bồi thường thiệt hại khi hợp đồng bị đình chỉ thực hiện	53
Điều 63. Bù trừ nghĩa vụ	54
Điều 64. Tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán	55
Điều 65. Kiểm kê tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán	56

Điều 66. Gửi giấy đòi nợ	57
Điều 67. Lập danh sách chủ nợ	57
Điều 68. Lập danh sách người mắc nợ	58
Điều 69. Đăng ký giao dịch bảo đảm của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán	59
Điều 70. Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời	59
Điều 71. Xử lý việc tạm đình chỉ thi hành án dân sự, giải quyết vụ việc	61
Điều 72. Giải quyết việc đình chỉ thi hành án dân sự, giải quyết vụ việc	62
Điều 73. Nghĩa vụ của ngân hàng nơi doanh nghiệp hợp tác xã có tài khoản	63
Điều 74. Nghĩa vụ của người lao động	63

Chương VI

HỘI NGHỊ CHỦ NỢ

Điều 75. Triệu tập và gửi thông báo triệu tập Hội nghị chủ nợ	64
Điều 76. Nguyên tắc tiến hành Hội nghị chủ nợ	64
Điều 77. Quyền tham gia Hội nghị chủ nợ	65
Điều 78. Nghĩa vụ tham gia Hội nghị chủ nợ	65
Điều 79. Điều kiện hợp lệ của Hội nghị chủ nợ	66
Điều 80. Hoãn Hội nghị chủ nợ	66
Điều 81. Nội dung và trình tự Hội nghị chủ nợ	66
Điều 82. Ban đại diện chủ nợ	68
Điều 83. Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ	69

Điều 84. Gửi Nghị quyết Hội nghị chủ nợ 70

Điều 85. Đề nghị, kiến nghị xem xét lại và giải quyết đề nghị, kiến nghị xem xét lại Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ 70

Điều 86. Đình chỉ tiến hành thủ tục phá sản 71

Chương VII **THỦ TỤC PHỤC HỒI HOẠT ĐỘNG** **KINH DOANH**

Điều 87. Xây dựng phương án phục hồi hoạt động kinh doanh 72

Điều 88. Nội dung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh 73

Điều 89. Thời hạn thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh 74

Điều 90. Điều kiện hợp lệ của Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã 74

Điều 91. Nội dung và trình tự Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh 75

Điều 92. Công nhận nghị quyết của Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã 76

Điều 93. Giám sát thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh 77

Điều 94. Sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh 77

- Điều 95.** Đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh 78
- Điều 96.** Hậu quả pháp lý của việc đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh 79

Chương VIII

THỦ TỤC PHÁ SẢN TỔ CHỨC TÍN DỤNG

- Điều 97.** Áp dụng quy định về thủ tục phá sản tổ chức tín dụng 79
- Điều 98.** Quyền, nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản 79
- Điều 99.** Thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với tổ chức tín dụng 80
- Điều 100.** Hoàn trả khoản vay đặc biệt 80
- Điều 101.** Thứ tự phân chia tài sản 80
- Điều 102.** Trả lại tài sản nhận ủy thác, nhận giữ hộ khi tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản và thanh lý tài sản phá sản 81
- Điều 103.** Giao dịch của tổ chức tín dụng trong giai đoạn kiểm soát đặc biệt 82
- Điều 104.** Quyết định tuyên bố tổ chức tín dụng phá sản 82

Chương IX

TUYÊN BỐ DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ PHÁ SẢN

- Điều 105.** Tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản theo thủ tục rút gọn 82
- Điều 106.** Quyết định tuyên bố phá sản khi Hội nghị chủ nợ không thành 83

- Điều 107.** Quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản sau khi có Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ 84
- Điều 108.** Quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản 84
- Điều 109.** Gửi và thông báo quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản 85
- Điều 110.** Nghĩa vụ về tài sản sau khi có quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản 86
- Điều 111.** Đề nghị xem xét lại, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản 86
- Điều 112.** Giải quyết đơn đề nghị, kháng nghị quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản 87
- Điều 113.** Xem xét đơn đề nghị, kiến nghị theo thủ tục đặc biệt 88

Chương X

XỬ LÝ TÀI SẢN DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ CÓ TRANH CHẤP

- Điều 114.** Xử lý tranh chấp tài sản trước khi có quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản 89
- Điều 115.** Xử lý trường hợp có tranh chấp tài sản trong quá trình thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản 90

Chương XI

THỦ TỤC PHÁ SẢN CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI

- Điều 116.** Người tham gia thủ tục phá sản là người nước ngoài 91

Điều 117. Ủy thác tư pháp của Tòa án nhân dân Việt Nam đối với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài 91

Chương XII

THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH TUYÊN BỐ DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ PHÁ SẢN

Điều 119. Thẩm quyền thi hành quyết định tuyên bố phá sản 92

Điều 120. Thủ tục thi hành quyết định tuyên bố phá sản 92

Điều 121. Yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tổ chức thực hiện thanh lý tài sản 93

Điều 122. Định giá tài sản 94

Điều 123. Định giá lại tài sản 95

Điều 124. Bán tài sản 95

Điều 125. Thu hồi lại tài sản trong trường hợp có vi phạm 96

Điều 126. Đình chỉ thi hành quyết định tuyên bố phá sản 97

Điều 127. Xử lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã phát sinh sau khi quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản 97

Điều 128. Giải quyết khiếu nại việc thi hành Quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản 98

Chương XIII

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 129. Trách nhiệm do vi phạm pháp luật về phá sản 98

Điều 130. Cấm đảm nhiệm chức vụ sau khi doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản	99
---	----

Chương XIV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 131. Điều khoản chuyển tiếp	99
Điều 132. Hiệu lực thi hành	100
Điều 133. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành	100